

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/DS - PT

Ngày 27 - 8 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Sáu

Bà Lê Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang— Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Lữ Thị Phương Quý – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Trong các ngày 25 và 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh H – sinh năm: 1971, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Khắc C - Sinh năm: 1990, có mặt.

Chị Nguyễn Thị D - sinh năm: 1992, có mặt.

Đều trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Hoàng Minh H trình bày:

Ngày 15/10/2019, vợ chồng anh Hoàng Khắc C và chị Nguyễn Thị D vay của ông số tiền là 450.000.000đ, Lãi xuất hai bên thỏa thuận 1% tháng hẹn hai tháng sau sẽ trả cả gốc lẫn lãi, khoản nợ này do anh C trực tiếp ký nhận nợ với ông H.

Ngày 29/10/2019, vợ chồng anh Hoàng Khắc C và chị Nguyễn Thị D lại đến vay tiếp của ông số tiền là 200.000.000đ Lãi xuất hai bên thỏa thuận 1% tháng, hẹn đến ngày 29/11/2020 trả cả gốc và lãi, khoản nợ này do chị D trực tiếp ký nhận nợ với ông H.

Ngày 30/11/2019, vợ chồng anh Hoàng Khắc C và chị Nguyễn Thị D lại vay tiếp của ông số tiền là 343.250.000đ để trả nợ ngân hàng, xóa thế chấp, nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp với ngân hàng để thế chấp cho ông H khoản nợ này do anh C trực tiếp ký nhận nợ với ông H.

Tổng cộng tính đến ngày 30/11/2019, vợ chồng anh C, chị D vay của ông H số tiền là 993.250.000đ (Chín trăm chín ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Quá trình vay nợ, ngày 11/5/2020 vợ chồng anh C, chị D trả cho ông được 20.000.000đ tiền gốc, ngày 31/7/2020 trả tiếp cho ông được 10.000.000đ. Tổng cộng đã trả cho ông được 30.000.000đ tiền gốc. Ngày 28/5/2020 trả 3.000.000đ tiền lãi, ngày 28/6/2020 trả được 3.000.000đ tiền lãi.

Như vậy tính đến ngày 31/7/2020 vợ chồng anh C, chị D còn nợ ông H là $993.250.000đ - 30.000.000đ = 963.250.000đ$ (Chín trăm sáu ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) cùng tiền lãi với lãi suất bằng lãi suất ngân hàng 0,8%/ tháng.

Ông Hoàng Minh H đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh C, chị D trả cho ông số tiền gốc là 963.250.000đ và tiền lãi tính từ ngày 31/7/2020 đến ngày ông làm đơn khởi kiện (31/01/2021) là 6 tháng theo lãi xuất hai bên thỏa thuận là 0,8% tháng = 46.236.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 1.009.486.000đ. Đồng thời ông Hoàng Minh H đề nghị buộc vợ chồng anh C, chị D pH tiếp tục trả lãi cho ông trên nợ gốc tính tiếp từ 01/02/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ này với lãi xuất là 0,8% tháng.

Nếu vợ chồng anh C, chị D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông H yêu cầu xử lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp cho ông theo phương thức bán thanh lý, ông yêu cầu được nhận mảnh đất đã thế chấp cho ông tại thôn Đồng Minh, xã M, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh C đã giao cho ông.

Bị đơn là anh Hoàng Khắc C trình bày:

Anh C thừa nhận tính đến ngày 31/01/2021 vợ chồng anh còn nợ ông Hoàng Minh H số tiền gốc là 963.250.000đ, song trong khoản nợ số tiền 450.000.000đ, không pH anh vay một lúc mà vay rải rác đến 15/10/2019 chốt nợ bằng 450.000.000đ trong đó có cả lãi, Lãi xuất hai bên thỏa thuận lãi cao chứ không pH là 1% tháng như ông H khai báo.

Việc thanh toán nợ anh Hoàng Khắc C có hướng trả nợ nhau sau:

Vợ anh là chị Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả nợ cho ông H số tiền chị D trực tiếp vay là 200.000.000đ, anh C có trách nhiệm trả cho ông H số tiền anh trực tiếp vay là 450.000.000đ, còn số tiền là 343.250.000đ là tiền nợ chung của vợ chồng trước đây vay của ngân hàng VIB (Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa) nay vay của ông H để trả cho ngân hàng VIB, anh yêu cầu chị D có trách nhiệm cùng anh trả nợ cho ông H.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị D thừa nhận vợ chồng anh chị còn nợ ông Hoàng Minh H số tiền gốc là 963.250.000đ, nhưng trong số nợ này chị chỉ có trách nhiệm trả nợ cho ông H số tiền chị trực tiếp vay là 200.000.000đ. Còn số tiền là 450.000.000đ và số tiền là 343.250.000đ anh C đứng ra vay, anh C pH có trách nhiệm trả cho ông H. Chị D thừa nhận vợ chồng có vay của ngân hàng VIB Ngân hàng TMCP quốc tế Việt

Nam chi nhánh Thanh Hóa số tiền là 450.000.000đ vợ chồng đã trả được một phần, hiện còn nợ lại là 343.250.000đ như anh C trình bày là đúng, nhưng việc vay 343.250.000đ của ông H để trả nợ cho ngân hàng rồi rút trích lục ra cầm cố cho ông H là tự ý anh C quyết định chị không biết nên không có trách nhiệm với số tiền này, chị chỉ có trách nhiệm trả cho ngân hàng chứ không có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 343.250.000đ này.

Trong quá trình giải quyết, anh Hoàng Khắc C và chị Nguyễn Thị D, đề nghị ông H cùng đem sổ trích lục nhà đất đi thế chấp với ngân hàng lấy tiền ra trả bớt cho ông H, được bao nhiêu số tiền còn lại anh Hoàng Khắc C sẽ trả dần cho ông H mỗi tháng là 40.000.000đ cho đến khi trả hết nợ.

Ông Hoàng Minh H không thống nhất phương án thanh toán nợ của anh C, chị D nêu trên, giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên.

Tại Bản án số 07/2021/DS-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã quyết định:

Áp dụng điều 280, điều 463, điều 466; điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và Lệ phí: khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh H.

Buộc vợ chồng anh Hoàng Khắc C, chị Nguyễn Thị D pH trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho ông Hoàng Minh H số tiền là:

Tiền gốc đã vay còn nợ lại là 963.250.000đ (Chín trăm sáu ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Tiền lãi tính từ ngày 31/7/2020 tạm chốt đến 31/01/2021 là 6 tháng theo lãi suất là 0,8% tháng = 46.236.000đ.

Tổng cộng gốc và lãi là 1.009.486.000đ. (Một tỷ, không trăm, linh chín triệu, bốn trăm tám sáu ngàn đồng).

Đồng thời, buộc vợ chồng anh C, chị D pH tiếp tục trả lãi cho ông H trên nợ gốc còn lại tính tiếp từ 01/02/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ này với lãi suất là 0,8% tháng.

Vợ chồng anh C, chị D pH nộp 42.284.580đ (Bốn mươi hai triệu hai trăm tám tư nghìn năm trăm tám mươi đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Hoàng Minh H số tiền là 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai số AA/2018/0007400 ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 02/7/2021, bị đơn là chị Nguyễn Thị D kháng cáo, với nội dung: Buộc chị và anh C pH đồng chi trả cho ông Hoàng Minh H số tiền 963.250.000đ là vô căn cứ vì chị không biết số tiền này. Chị chỉ chấp nhận trả 200.000.000đ vì chị và anh C vay để giải quyết việc gia đình. Phần lãi suất pH trả cho ông H 46.236.000đ là không có căn cứ, chị yêu cầu được đổi chất với ông H.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn là chị Nguyễn Thị D không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị D, sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ. Theo đó nợ chung của vợ chồng anh C và chị D là 543.250.000đ nên vợ chồng anh C và chị D pH trả nợ cho ông H. Số tiền 450.000.000đ là nợ riêng của anh C nên anh C pH trả nợ cho ông H. Anh C, chị D pH chịu lãi suất tương ứng với số tiền gốc pH trả.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị D:

Đối với giấy vay tiền ngày 15/10/2019 số tiền 450.000.000đ (BL 46), thể hiện chỉ mình anh C ký giấy vay, không có chữ ký của chị D. Anh C và ông H đều thừa nhận khoản tiền này là một mình anh C vay nhiều lần, tính đến ngày 15/10/2019 chốt còn nợ số tiền 450.000.000đ. Anh C nài vay số tiền trên để sửa sang nhà cửa và sắm sanh đồ dùng sinh hoạt trong gia đình nhưng anh C không có tài liệu chứng minh, chị D không thừa nhận khoản tiền vay trên là dùng cho sinh hoạt gia đình, chị D không biết số tiền này anh C vay ông H nên xác định đây là khoản vay riêng của anh C và anh C pH có trách nhiệm trả cho ông H. Anh C đã trực tiếp trả cho ông H 30.000.000đ, nên anh C còn pH trả số tiền gốc là 430.000.000đ cùng với lãi suất.

Đối với giấy vay tiền ngày 29/10/2019 số tiền 200.000.000đ (BL 47), thể hiện chỉ mình chị D ký giấy vay, không có chữ ký của anh C. Nhưng anh C và chị D đều thừa nhận khoản tiền này là nợ chung của vợ chồng. Nên cấp sơ thẩm buộc anh C và chị D pH có trách nhiệm trả cho ông H là có cơ sở.

Ngoài ra, còn 01 giấy nộp tiền ngày 30/11/2019 của anh C cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) với số tiền 343.250.000đ (BL 45). Anh C là người trực tiếp vay ông H để trả nợ cho Ngân hàng, xóa thế chấp và nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh C, chị D đều thừa nhận có vay của Ngân hàng VIB số tiền gốc 450.000.000đ, tính đến ngày 30/11/2019, anh chị còn nợ Ngân hàng VIB số tiền 343.250.000đ. Chị D nài rằng số tiền 343.250.000đ anh C pH có trách nhiệm trả nợ riêng, chị không có trách nhiệm trả là không có cơ sở.

Đối với lãi hai bên chủ yếu thỏa thuận miệng với nhau, tuy trong giấy vay tiền anh C ký nhận có thể hiện lãi là 1% nhưng không rõ ràng là lãi tháng hay năm hay ngày. Nay hai bên có tranh chấp về lãi, ông H yêu cầu thanh toán lãi là 0,8%/tháng, lãi suất ông H yêu cầu thanh toán không vượt quá mức theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm anh

C, chị D chấp nhận mức lãi suất 0,8%/tháng. Xét thấy các bên thỏa thuận lãi suất 0,8%/tháng là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Ông H yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 31/7/2020 chốt đến 31/01/2021 là 6 tháng. Nền cần buộc anh C, chị D có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho ông H tính từ ngày 31/7/2020 đến ngày 31/01/2021 của số tiền gốc 543.250.000đ là 26.076.000đ; cả gốc và lãi là 569.326.000đ. Anh C có trách nhiệm trả nợ riêng khoản tiền gốc 420.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 31/7/2020 đến ngày 31/01/2021 của số tiền gốc 420.00.000đ là 20.160.000đ; cả gốc và lãi là 440.160.000đ. Anh C, chị D pH tiếp tục trả lãi cho ông H trên nợ gốc tính tiếp từ 01/02/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ này với lãi suất là 0,8% tháng.

Đối với việc cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lãi cho ông H trên nợ gốc còn lại tính tiếp từ 01/02/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ này với lãi suất là 0,8%/tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS lãi suất được tính là 0,83%/tháng, tuy nhiên ông H tính lãi 8%/tháng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

* Từ những phân tích trên chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị D, chấp nhận khoản tiền 450.000.000đ là nợ riêng của anh C, còn khoản tiền 543.250.000đ là nợ chung của vợ chồng, sửa bản án dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

Do sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ nên cần pH sửa nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với bị đơn. Buộc anh C, chị D pH chịu 26.773.000đ án phí dân sự có giá ngạch. Anh C pH chịu riêng 21.606.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

Nguyên đơn là ông Hoàng Minh H yêu cầu Tòa án xử lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do anh C đã thế chấp. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H nhưng không tuyên trong phần quyết định của bản án là chưa đầy đủ, cần rút kinh nghiệm và bổ sung vào quyết định của bản án phúc thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị Nguyễn Thị D không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm; căn cứ khoản 2 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 của BLTTDS.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị D, sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa về nghĩa vụ trả nợ, án phí.

* Căn cứ vào Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 288, Điều 463, Điều 466 BLDS. Điều b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Xử:

- Không chấp nhận việc ông Hoàng Minh H yêu cầu Tòa án xử lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do anh C đã thế chấp.

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Hoàng Minh H.

Buộc vợ chồng anh Hoàng Khắc C, chị Nguyễn Thị D pH liên đới trả cho ông Hoàng Minh H số tiền gốc là 543.250.000đ, lãi là 26.076.000đ; tổng gốc và lãi là 569.326.000đ (Năm trăm sáu mươi chín triệu ba trăm hai sáu nghìn đồng).

Buộc anh Hoàng Khắc C pH trả cho ông Hoàng Minh H số tiền gốc là 420.00.000đ, tiền lãi là 20.160.000đ; tổng gốc và lãi là 440.160.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Buộc vợ chồng anh C, chị D pH tiếp tục trả lãi cho ông H trên số tiền nợ gốc tương ứng còn lại tính tiếp từ 01/02/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ này với lãi suất là 0,8% tháng.

2. Án phí:

Án phí dân sự có giá ngạch: Anh C, chị D pH chịu 26.773.000đ án phí dân sự có giá ngạch. Anh C pH chịu riêng 21.606.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị D không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho chị D số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000003 ngày 05/7/2021 của Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Thiệu Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Dung Lê Thị Sáu

Lê Thị Thủy

